

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 03-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hùng Cường

Ông Triệu Minh Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Mông Thu Hường - Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 21/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 12/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ, ngày 26/7/2022 đối với các bị cáo:

1. LÝ QUỐC Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/6/1996 tại tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Công B và bà Bàn Thị H; chung sống như vợ chồng với chị Vàng Thị L; con: Có 01 con sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. BÀN VĂN N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 15/6/2001 tại tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn K và bà Lý Thị X; chưa có vợ con, tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1978; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 18. TT. V, huyện V, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lý Văn N; sinh năm 1979; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt;

2. Bàn Văn D; sinh năm 1964; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt;

3. Bàn Đại L; sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lái xe; địa chỉ: Thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/10/2021 bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N cùng trú tại thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) đầu máy nổ có giá trị là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) của ông Hoàng Văn P để tại công trường đang thi công thuộc km6+500 đường Hà Giang đi Bắc Mê. Sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo mang bán cho ông Lý Văn N (*Thường trú: Thôn Nậm Tài, xã Ngọc Đường, thành phố Hà Giang*) được số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), trả tiền thuê xe taxi 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), còn lại chia nhau mang đi tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý Quốc Đ khai: Vào khoảng 18 giờ ngày 22/10/2021 bị cáo rủ Nhân đi uống nước tại ngã tư gần Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM, màu sơn đỏ, xe không gắn biển kiểm soát (*xe của Nhân*) chở bị cáo ngồi sau từ ngã tư phường N về nhà bị cáo tại Km7, quốc lộ 34, đường Hà Giang đi huyện Bắc Mê, khi đến Km6 + 500 cả hai nhìn thấy phía bên tay phải sát lề đường theo chiều di chuyển có một đầu máy nổ không rõ đặc điểm gắn vào một máy trộn bê tông. Về đến nhà, trong khi ngồi uống nước bị cáo nảy sinh ý định trộm chiếc đầu máy nổ vừa nhìn thấy, bị cáo nói với N "*Dưới này có cái đầu máy nổ, đi lấy cùng anh không*", N đồng ý và nói "*Đi thì đi*". Đến khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo nói với N "*Đi đi*", sau đó bị cáo lấy 01 chiếc đèn pin (*loại đèn đội đầu*) và 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại, dài khoảng 30cm, đội đèn pin lên đầu, tay phải cầm chiếc mỏ lết cùng N đi bộ đến vị trí để chiếc đầu máy nổ, khi đến nơi, quan sát xung quanh không thấy có người qua lại, bị cáo đưa chiếc mỏ lết cho N để N tháo các con ốc đang gắn cố định từ đầu máy nổ vào máy trộn bê tông. N tháo xong và đưa mỏ lết lại cho bị cáo để tháo tiếp các con ốc phía trong giáp với vị trí bị cáo đang đứng, N nói "*Anh tự tháo đi*", tháo xong 02 con ốc bị cáo cho chiếc mỏ lết vào túi quần và đưa lại cho bị cáo chiếc đèn pin, bị cáo cầm đội lên đầu. Cả hai khiêng chiếc đầu máy nổ đi theo hướng đi huyện B, khoảng 50 mét thì rẽ sang đường bên tay trái rồi đi xuống phía dưới ta luy âm, cách đường quốc lộ khoảng 10 mét, để chiếc đầu máy nổ dưới một gốc cây, lấy cỏ và lá cây phủ lên trên để tránh sự phát hiện của người khác. Sau khi cất giấu xong bị cáo và N đi lên trên đường, bị cáo nói với N "*Cứ về trước đi, khi nào anh tìm được người mua sẽ gọi cho mày*" N đồng ý, sau đó ai về nhà đấy. Đến sáng ngày 23/10/2021, trên đường đi làm về

thấy anh N đang đứng trước cổng nhà, bị cáo hỏi anh N "*Anh có mua đầu máy nổ không*", anh N trả lời "*Máy của ai*", bị cáo nói "*Máy của em, mua lâu rồi*", anh N nói "*Cứ mang sang xem, nếu mua được thì mua*".

Đến khoảng 20 giờ ngày 25/10/2021 bị cáo gọi điện thoại cho N bảo đến chỗ giấu chiếc đầu máy nổ để lấy mang đi bán, N đồng ý. Bị cáo đi bộ đến trước, khoảng 05 phút thì N đi xe mô tô đến. Khi N đến, bị cáo mượn điện thoại của N gọi cho Bàn Đại L (*là lái xe taxi của hãng taxi M*) đến km6 + 500 đường đi Bắc Mê đón bị cáo. Khoảng 15 phút sau Long điều khiển xe ô tô màu sơn xanh thuộc hãng taxi Mai L đến vị trí mà bị cáo đang đợi, thấy L đến bị cáo và N khiêng chiếc đầu máy nổ từ vị trí cất giấu lên để ở đường, anh L có hỏi "*Máy của ai đấy*", bị cáo trả lời "*Máy của em, giờ đem xuống làng*"; không hỏi gì thêm sau đó mở cốp xe phía sau để bị cáo và N khiêng chiếc đầu máy nổ cho vào cốp xe rồi đóng lại. Bị cáo lên xe taxi cùng L và bảo L đưa đến nhà anh N, N điều khiển xe mô tô đi theo phía sau. Khi đến cổng nhà anh N, L dừng xe mở cốp phía sau để bị cáo và N cùng khiêng chiếc đầu máy nổ vào phía trong gầm sàn nhà anh Niệm, còn bị cáo cùng anh N đi lên trên nhà nói chuyện. Do đã trao đổi trước nên khi nói chuyện anh N hỏi bị cáo "*bán bao nhiêu*" bị cáo nói "*Anh trả cho em một triệu*", anh N không nói gì và lấy 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đưa cho bị cáo, nhận tiền xong bị cáo đi ra ngoài cổng trả cho Long 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) tiền taxi, và nói với N "*Bán được 1.000.000 đồng, trả tiền taxi 100.000 đồng, còn lại 900.000 đồng*", Nhân không nói gì. Bị cáo và N chia nhau mỗi người số tiền 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền này đã sử dụng hết vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Bàn Văn N khai: Bị cáo xác nhận toàn bộ nội dung bị cáo Đồng khai báo về quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên là đúng.

Ông Lý Văn N khai: Do có quan hệ là anh em nên khi Đ hỏi ông có mua máy nổ không, ông cũng đã hỏi Đ về nguồn gốc của chiếc máy nổ và Đ trả lời là máy nổ của Đồng. Vì tin tưởng Đ nên ông đã mua chiếc máy nổ của Đ với giá 1.000.000đ. Sau khi mua được chiếc đầu máy nổ ông không sử dụng vào mục đích gì mà để dưới gầm sàn nhà. Đến khoảng cuối tháng 11/2021 ông đến nhà ông D chơi, khi nghe ông D kể việc chiếc máy nổ của gia đình đang bị hỏng, nên ông nói có một chiếc đầu máy nổ, trước đây mua của Đồng, hiện không dùng đến, nếu ông D có nhu cầu mua thì ông sẽ bán lại với giá 1.000.000, ông D đồng ý mua. Khoảng hai ngày sau ông D đến nhà ông xem chiếc đầu máy nổ, đồng ý mua, rồi trả tiền cho ông và mang chiếc đầu máy nổ về nhà để sử dụng.

Ông Bàn Văn D khai: Khi mua máy nổ của ông N ông không biết là tài sản do Đ trộm cắp. Ông đã sử dụng vào việc gia đình, khi ông P là chủ của chiếc máy nổ phát hiện chiếc đầu máy nổ hiện do ông đang quản lý sử dụng là của ông P bị mất trộm vào ngày 22/10/2021 tại công trường đang thi công tại Km6+500 đường Hà Giang đi Bắc Mê nên đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an đề nghị giải quyết, ông đã giao nộp lại chiếc máy nổ nêu trên cho Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS, ngày 04/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang kết luận: Giá trị tài sản là 01(*một*) đầu

máy nổ loại D8, màu sơn đỏ - đen, trên thân máy có ghi nhiều dòng chữ nước ngoài, do Trung Quốc sản xuất đã qua sử dụng là: 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*).

* Vật chứng vụ án gồm:

- 01(*một*) đầu máy nổ loại D8, màu sơn đỏ - đen, trên thân máy có ghi nhiều dòng chữ nước ngoài, do Trung Quốc sản xuất (đã qua sử dụng). Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ-CQĐT, ngày 11/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã tiến hành trả tài sản anh Hoàng Văn Phương.

- 01 (*Một*) đèn pin màu nâu cam, trên thân đèn có ghi dòng chữ: DONYML-6, được gắn ba sợi dây chun (đèn đã qua sử dụng); 01 (*Một*) Chiếc mỏ lết bằng kim loại, trên thân có nhiều chữ nước ngoài, tình trạng đã bị hoen rỉ (Đã qua sử dụng). Số vật chứng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Giang để quản lý theo quy định của pháp luật gồm:

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTPHG ngày 20/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 50, 58, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lý Quốc Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Bàn Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 1.000.000đ của hai bị cáo do thu lời bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, nhất trí với tội danh, khung hình phạt và các nội dung khác mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin hứa sẽ cải tạo tốt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định của pháp luật.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Lý Quốc Đ, Bàn Văn N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 22/10/2021 bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) đầu máy nổ có giá trị là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) của ông Hoàng Văn P để tại công trường đang thi công thuộc km6+500 đường Hà Giang đi Bắc Mê. Sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo mang bán cho ông Lý Văn N được số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), số tiền trên các bị cáo đã chia nhau và sử dụng hết. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chiếm đoạt tài sản của người khác, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý nên cần phải bị xử lý bằng hình sự là thỏa đáng.

[5]. Về vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Lý Quốc Đ là người khởi xướng, rủ bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp chiếc đầu máy nổ, chuẩn bị đèn pin, mỏ lết là những phương tiện phục vụ cho việc lấy trộm tài sản một cách thuận lợi, đồng thời là người tìm nơi bán tài sản trộm cắp. Do vậy, cần xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt cao hơn bị cáo N. Đối với bị cáo N tham gia với vai trò đồng phạm, khi bị cáo Đ rủ đi lấy trộm tài sản, bị cáo N đã đồng ý, tham gia trực tiếp đi lấy trộm và mang đi cất giấu và đi tiêu thụ cùng và được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trộm cắp. Do vậy, cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo N để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều là những người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt, trình độ học vấn không cao, gia đình có khó khăn nên việc nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế.

[7]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ hình phạt do phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên áp dụng khoản 2 Điều 51- BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà để các bị cáo cải tạo tại giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65- Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[10]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại ông P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Về xử lý vật chứng: 01 (Một) đèn pin màu nâu cam, trên thân đèn có ghi dòng chữ: DONYML-6, được gắn ba sợi dây chun (đèn đã qua sử dụng); 01 (Một) Chiếc mỏ lết bằng kim loại, trên thân có nhiều chữ nước ngoài, tình trạng đã

bị hoen ỉ (Đã qua sử dụng) cơ quan điều tra đã thu giữ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Văn N và Bàn Văn D là những người mua chiếc đầu máy nổ, ông L là người vận chuyển chiếc đầu máy nổ, tuy nhiên, các ông không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[13]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông N và ông D không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[14]. Đối với 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo dùng để làm phương tiện liên lạc phục vụ việc tiêu thụ tài sản, tuy nhiên cả hai đều khai nhận đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ và làm rõ được.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 47 bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lý Quốc Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (mười tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm ngày 03/8/2022.

- Xử phạt bị cáo Bàn Văn N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án án sơ thẩm ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, TP. H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã N, TP. H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) đèn pin màu nâu cam, trên thân đèn có ghi dòng chữ: DONYML-6, được gắn ba sợi dây chun (đèn đã qua sử dụng); 01 (Một) Chiếc mũ lết bằng kim loại, trên thân có nhiều chữ nước ngoài, tình trạng đã bị hoen rỉ (Đã qua sử dụng).

Vật chứng được bàn giao theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang.

4. Biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N mỗi bị cáo 500.000đ do thu lời bất chính mà có để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lý Quốc Đ và Bàn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Công an TP Hà Giang;
- Nhà Tạm giữ CA TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã N, TP H;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thế Phong

Hoàng Ngọc Sông

Vũ Mỹ Lệ